

1. Mở đầu

1.1. Sự cần thiết thực hiện dự án

Các giống lúa thuần IR64, VN95-20, IR50404, *ML48*, *HT1*, *TH3* được nông dân trồng tại huyện Lấp đã sử dụng liên tục nhiều năm cho nên những giống này bị thoái hóa, nhiễm sâu bệnh nặng, chất lượng và năng suất sút giảm nghiêm trọng; bà con nông dân và đồng bào dân tộc thì chưa áp dụng những kỹ thuật canh tác mới như gieo sạ theo hàng, áp dụng giải pháp kỹ thuật “3 giảm 3 tăng” (3G3T), “1 phải 5 giảm” (1P5G) cho nên giá thành sản phẩm cao hiệu quả kinh tế thấp không có lãi trong sản xuất lúa đặc biệt ở buôn Đồng bào.

Theo Cục Trồng trọt (2009), trong sản xuất lúa hiện nay đa số nông dân còn chưa thật sự chú trọng đến chất lượng hạt giống. Mặc dù các địa phương trong vùng đã tích cực hỗ trợ cho việc sử dụng giống lúa có chất lượng cao bằng nhiều hình thức như hỗ trợ giá giống, máy sạ hàng để giảm lượng giống sử dụng, huấn luyện kỹ năng chọn lọc giống lúa, canh tác, phòng trừ sâu bệnh.... Lợi ích của việc sử dụng giống lúa đã qua kiểm định giúp ngăn ngừa mầm bệnh lây lan, đảm bảo đúng mật độ, đảm bảo chất lượng gạo sản xuất và sau cùng là giúp tăng năng suất lúa từ 5-10 % so với việc sử dụng giống lúa chưa đạt đúng tiêu chuẩn chất lượng giống.

Vấn đề cần được thực hiện và giải quyết của dự án là cải thiện và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chỉ đạo kỹ thuật của huyện, xã trong đó chú trọng các nội dung như khả năng triển khai các hoạt động về đánh giá xác định được các giống lúa mới, tốt và phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương. Nắm vững quy trình kỹ thuật, tổ chức sản xuất và cung ứng giống lúa.

Triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến đến người nông dân sản xuất lúa như “3G3T”, “1P5G” . Nâng cáo ý thức sử dụng giống xác nhận trong canh tác lúa thương phẩm.

Thiết lập mối liên kết giữa các tổ sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm chất lượng cao với các doanh nghiệp, công ty tiêu thụ để người dân chủ động được đầu ra của sản phẩm.

Dự án thực hiện thành công sẽ có MH sản xuất lúa giống hoạt động hiệu quả ở địa phương để sản xuất ra được giống có chất lượng cao ở cấp nguyên chủng và xác

nhận phục vụ cho sản xuất theo hệ thống nhận giống đáp ứng nhu cầu sản xuất lúa trong toàn xã và huyện.

Hiện nay trên địa bàn phần lớn các tổ chức giống tự sản xuất và tự chịu trách nhiệm về sản phẩm của mình mà chưa thông qua hệ thống kiểm định kiểm nghiệm. Từ những vấn đề trên, để đáp ứng nhu cầu cấp thiết cho sản xuất, chúng tôi thực hiện dự án: **“Xây dựng MH sản xuất lúa giống và lúa thương phẩm chất lượng cao tại huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk”**.

1.2 Mục tiêu

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng mô hình sản xuất lúa giống và lúa thương phẩm chất lượng cao gắn với tiêu thụ tại huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa cấp nguyên chủng (1,5 ha), cấp xác nhận (6 ha) của các giống lúa OM4900, OM7347, OM7167 đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa QCVN 01-54:2011 BNNPTNT.
- Xây dựng vùng sản xuất lúa thương phẩm chất lượng cao với diện tích 9 ha.
- Liên kết tiêu thụ lúa giống và lúa thương phẩm trong địa bàn.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Nội dung 1: Xây dựng MH sản xuất lúa chất lượng cao tại 03 xã của huyện Lắc.

*** Mục tiêu :** Xây dựng MH sản xuất lúa thương phẩm chất lượng cao tại 3 xã điểm với diện tích 9 ha.

*** Thời gian và địa điểm :**

- + Thời gian thực hiện: Đông Xuân 2017-2018 (tháng 11/2017- 4/2018).
- + Địa điểm: xã Buôn Triết, Buôn Tría và Đắk Liêng - Huyện Lắc

*** Phương tiện và phương pháp thực hiện**

- + Giống lúa : 03 giống lúa OM4900, OM7347, OM7167
- + Quy mô : 03 giống này được trồng tại mỗi xã trên diện tích như sau: Buôn Triết: 3ha ; Buôn Tría : 3 ha và Đắk Liêng 3
- + Thực hiện MH sản xuất lúa theo biện pháp kỹ thuật « 1P5G ».

3.2 Nội dung 2: Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng, cấp xác nhận và hỗ trợ thành lập tổ nhân giống

3.2.1 Hoạt động 1: Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng theo tiêu chuẩn ngành 10TCN: 395 - 2006

* **Mục tiêu :** Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng năng suất 6 tấn/ha, theo tiêu chuẩn ngành tại 03 xã điểm và làm nền tảng hình thành các tổ nhân giống tại địa phương.

* **Thời gian và địa điểm**

+ Thời gian thực hiện: vụ Đông Xuân 2016-2017

+ Địa điểm 3 xã Buôn Triết, Buôn Tría và Đắc Liêng của Huyện Lắk.

* **Phương tiện và phương pháp thực hiện**

+ Giống lúa : 03 giống lúa OM4900, OM7347, OM7167 và 03 giống này được trồng tại mỗi xã trên diện tích 5.000 m² (OM4900 : 2000 m²; OM7347: 1500 m²; OM7167 : 1500 m²).

+ Thực hiện MH nhân giống theo quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống 10TCN: 395-2006.

- **Các chỉ tiêu đánh giá:**

+ **Đánh giá các loại dịch hại chính: Được đánh giá theo phương pháp đánh giá tiêu chuẩn của Viện lúa quốc tế (IRRI, 1996).**

+ **Đánh giá ảnh hưởng của côn trùng gây hại chínhn ăng suất và các thành phần năng suất theo quy chuẩn Việt Nam, QCVN 01 - 166 : 2014/BNNPTNT**

+ **Tính hiệu quả kinh tế**

+ Hiệu quả đồng vốn (Benefit Cost Ratio – BCR) = Thu nhập / chi phí

+ Tỷ suất lợi nhuận cận biên: MBCR = (Lợi nhuận MH – Lợi nhuận của đối chứng)/(tổng chi MH-tổng chi đối chứng).

Trị số MBCR	Kết quả đánh giá
< 1,5	MH cho lợi nhuận thấp không nên áp dụng
1,5-2,0	MH cho lợi nhuận trung bình, có thể chấp nhận được
>2,0	MH cho lợi nhuận cao chấp nhận phát triển

3.2.2. Hoạt động 2: *Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp xác nhận theo tiêu chuẩn ngành 10TCN: 395 – 2006*

* **Mục tiêu :** Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp xác nhận năng suất 6 tấn/ha, theo tiêu chuẩn ngành tại 03 xã điểm và làm nền tảng hình thành các tổ nhân giống tại địa phương.

* **Thời gian và địa điểm :**

+ Thời gian thực hiện: Vụ Hè Thu 2017

+ Địa điểm: xã Buôn Triết, Buôn Tría và Đăk Liêng - Huyện Lắk

* **Phương tiện và phương pháp thực hiện**

+ Giống lúa : 03 giống lúa OM4900, OM7347, OM7167

+ Quy mô : 03 giống này được trồng tại mỗi xã trên diện tích như sau: Buôn Triết : 2 ha ; Buôn Tría 2 ha và Đăk Liêng 2 ha.

+ Thực hiện MH nhân giống theo quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống 10TCN: 395-2006.

* Các chỉ tiêu đánh giá như các loại dịch hại chính, năng suất và thành phần năng suất, hiệu quả kinh tế được thực hiện theo phương pháp giống với MH sản xuất lúa nguyên chủng.

3.2.3 Hoạt động 3: *Hỗ trợ thành lập 03 tổ nhân giống tại 03 xã thực hiện dự án*

* **Mục tiêu :** Thành lập 03 hợp tác xã trên địa bàn các xã huyện Lắk.

* **Thời gian và địa điểm:**

- Thời gian: từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 09 năm 2017

- Địa điểm: các xã huyện Lắk

3.3. Nội dung 03 : Tập huấn kỹ thuật

* **Mục tiêu:** Giúp nông dân nắm được các kỹ thuật nhân giống lúa cấp nguyên chủng và xác nhận cũng như lúa thương phẩm chất lượng cao. Giúp cán bộ kỹ thuật nắm được kỹ thuật đánh giá giống, phương pháp kiểm định ngoài đồng, lấy mẫu kiểm nghiệm (có chứng chỉ)

* **Thời gian và địa điểm:**

+ **Thời gian:** từ 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017

+ **Địa điểm:** Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Lắk.

*** Nội dung và quy mô thực hiện**

Thực hiện tổng cộng 07 cuộc tập huấn

(1) – 03 lớp tập huấn nông dân tham gia sản xuất về qui trình sản xuất, chế biến bảo quản lúa giống: 90 lượt người tham dự.

+ **Nội dung:** Giới thiệu đặc tính giống, tính thích nghi; phương pháp sản xuất lúa cấp nguyên chủng, xác nhận; các tiêu chuẩn chất lượng hạt giống; chế biến bảo quản giống lúa; cập nhật và giới thiệu các văn bản về quản lý sản xuất, kinh doanh giống lúa và các thông tin khác có liên quan đến công tác sản xuất, cung ứng dịch vụ giống lúa.

(2)- Tập huấn **2 lớp (2 vụ)** cho cán bộ kỹ thuật nông nghiệp địa phương của các xã và cán bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT 40 lượt người tham dự.

+ Nội dung:

Các biện pháp canh tác lúa “1 phải, 5 giảm” và phòng trừ sâu bệnh hại lúa. Phân bón và kỹ thuật bón phân tiết kiệm, ổn định năng suất và độ phì của đất. Sử dụng thuốc BVTV đúng bảo vệ cây trồng và giữ sạch môi trường.

Quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa theo tiêu chuẩn ngành: 10 TCN 395 : 2006.....

(3)- 01 lớp tập huấn cho cán bộ kỹ thuật nông nghiệp (xã, huyện, trung tâm...) bố trí thí nghiệm, khảo nghiệm giống: 20 lượt người tham dự.

- **Nội dung:** Phương pháp bố trí thí nghiệm kiểu hoàn toàn ngẫu nhiên (Complete Randomized Design, CRD-1), kiểu khối đầy đủ hoàn toàn ngẫu nhiên (Randomized Complete Block Design, RCBD-1)...

(4) - 01 lớp tập huấn về công tác kiểm định đồng ruộng, lấy mẫu giống cho các cơ sở giúp chủ động trong kiểm soát nội bộ chất lượng giống lúa sản xuất và được cấp chứng chỉ: 5 cán bộ

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng, cấp xác nhận, thương phẩm chất lượng cao

4.1.1. Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng

4.1.1.1. Ảnh hưởng của các dịch hại chính

Bảng 4.1 : Tỷ lệ một số bệnh hại chính trên MH sản xuất cấp nguyên chủng vụ ĐX 2016 – 2017

Giống g	Bệnh đạo ôn lá (%)			Cháy bìa lá (%)			Thối cổ bông (%)		
	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liên	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liên	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liên
OM 4900	22,3	30,2	27,5	9,2	6,1	5,5	3,1	2,6	3,2
OM 7347	24,5	35,4	28,6	12,3	10,1	6,2	2,3	3,9	2,5
OM 7167	20,5	19,1	25,2	8,3	12,1	6,3	2,2	4,1	6,1
OM 5451	22,3	18,5	22,5	9,6	15,5	5,4	3,2	1,5	4,1

+ Bệnh đạo ôn lá được ghi nhận xuất hiện trên tất cả các giống OM4900, OM7347, OM7167, OM5451 (đối chứng làm theo canh tác của nông dân), tập trung giai đoạn 20 - 25 ngày sau khi cấy và tiến hành phun thuốc đặc trị 1 lần Beam 75WP riêng MH đối chứng phun 02 lần với Flash 750WP, bệnh được kiểm soát với tỷ lệ bệnh được khống chế dưới 30,2% (OM4900 xã Buôn Triết), vết bệnh từ cấp 1 đến cấp 3, không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa.

+ Bệnh cháy bìa lá xuất hiện bệnh thối cổ bông có xuất hiện ở hầu hết trên các giống.

Nhìn chung, các bệnh gây hại chính đều xuất hiện nhưng được phát hiện và áp dụng phòng trị kịp thời, các bệnh được khống chế ở tỷ lệ bệnh thấp và không gây ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng hạt giống. Mô hình áp dụng sản xuất giống áp dụng “3G3T” tiết kiệm được 1-2 lần phun thuốc.

Bảng 4.2: Tỷ lệ một số côn trùng gây hại chính trên MH sản xuất cấp nguyên chủng vụ ĐX 2016 – 2017.

Giống	Sâu cuốn lá (%)			Rầy nâu (con/bụi)		
	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liên	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liên

OM 4900	12,3	10,2	7,5	3,2	1,5	1,6
OM 7347	14,5	15,4	8,6	2,5	3,1	1,7
OM 7167	10,5	19,1	5,2	3,2	2,4	2,1
OM 5451	13,2	15,1	9,5	3,9	2,8	4

Các loại sâu bệnh hại chính đều xuất hiện trên tất cả các giống với áp lực không gây thành dịch, được phát hiện sớm và khống chế đúng thời điểm không phát thành dịch, không gây ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng hạt giống. Việc phát hiện sớm đã hạn chế được số lần phun so với so với MH đối chứng 01 lần phun.

4.1.1.2. Năng suất và các thành phần năng suất của các MH

Bảng 4.3: Năng suất và các thành phần năng suất của các MH sản xuất cấp nguyên chủng tại Đák Liêng, vụ ĐX 2006- 2017.

Giống	Số bông/m²	TL 1000 hạt (g)	Hạt chắc/bông	Năng suất (tấn/ha)
OM4900	432	28,07	112 a	8,17
OM7347	421	28,19	106 a	8,00
OM7167	420	27,59	105 a	7,74
OM5451	423	27,69	86 b	7,74
<i>F</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	*	<i>ns</i>
<i>CV (%)</i>	11,9	3,0	13,7	4,8

Ghi chú: *: khác biệt ở mức 5%; ns: không khác biệt; TL: trọng lượng

Bảng 4.4: Năng suất và các thành phần năng suất của các MH sản xuất cấp nguyên chủng tại Buôn Triết, vụ ĐX 2006- 2017.

Giống	Số bông/m²	TL 1000 hạt (g)	Hạt chắc/bông	Năng suất (tấn/ha)
OM4900	424	28,33	109 a	8,19
OM7347	421	27,81	110 a	8,02
OM7167	426	27,80	106 a	7,89
OM5451	429	27,99	90 b	7,71
<i>F</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	*	<i>ns</i>
<i>CV (%)</i>	12,2	3,3	5,9	7,7

Ghi chú: *: khác biệt ở mức 5%; ns: không khác biệt; TL: trọng lượng

Bảng 4.5: Năng suất và các thành phần năng suất của các MH sản xuất cấp nguyên chủng tại Buôn Tría, vụ ĐX 2006- 2017.

Giống	Số bông/m ²	TL 1000 hạt (g)	Hạt chắc/bông	Năng suất (tấn/ha)
OM4900	415	28,10	113 a	7,90
OM7347	422	28,04	108 a	7,73
OM7167	414	28,14	101 a	7,70
OM5451	442	27,93	89 b	7,76
<i>F</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	*	<i>ns</i>
<i>CV (%)</i>	<i>11,3</i>	<i>2,0</i>	<i>6,6</i>	<i>8,7</i>

Ghi chú: *: khác biệt ở mức 5%; ns: không khác biệt; TL: trọng lượng

Về năng suất và các thành phần năng suất của MH ở 03 xã được ghi nhận hầu hết các chỉ tiêu đánh giá không có sự khác biệt giữa các MH cũng như so với đối chứng.

Hầu hết các giống có khả năng đâm chồi rất tốt, số bông/m² cao và dao động từ 414 – 432 chồi (từ 11 – 14 chồi/bụi). Trên từng giống hầu như không khác biệt với nhau ở các xã khác nhau.

Các chỉ tiêu trọng lượng 1.000 hạt, hạt chắc/bông cao và phù hợp với mô tả đặc tính giống. Năng suất của hầu hết các giống cao từ 7,7 - 8,19 tấn/ha, trên cùng giống và giữa các giống chênh lệch nhau dao động từ 100 – 300 kg/ha.

Kết quả các MH đều đạt chất lượng nguyên chủng theo quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01- 54:2011/BNNPTNT với phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm TCVN 85 với các mã số thử nghiệm 1599-17, 1600-17, 1601-17 (đính kèm phụ lục).

4.1.2.3 Hiệu quả kinh tế của các MH sản xuất lúa cấp nguyên chủng

Bảng 4.6. Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất nguyên chủng tại xã Đăk Liêng, vụ ĐX 2016 – 2017

TT	Hạng mục	Giống			
		OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
1	Tổng thu (triệu/ha)	68,65	67,19	65,05	49,53
1,1	Năng suất khô (t/ha)	8,17	8,00	7,74	7,74
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	8,40	8,40	8,40	6,40
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	25,35	25,34	25,33	20,65

2,1	Làm đất	2,20	2,20	2,20	2,20
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	1,00	1,00
2,3	Lúa giống	2,40	2,40	2,40	1,80
2,4	Cấy dặm	5,50	5,50	5,50	2,00
2,5	Khử lẩn	1,50	1,50	1,50	-
2,6	Thuốc BVTV	4,65	4,65	4,65	5,15
2,7	Phân bón	4,19	4,19	4,19	4,61
2,8	Thu hoạch lúa, phơi	2,91	2,90	2,89	2,89
2,9	Nước	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Lợi nhuận (triệu/ha)	43,30	41,85	39,73	28,88
4	Tỷ suất lợi nhuận	2,71	2,65	2,57	2,40
5	Chênh lệch lợi nhuận	14,42	12,97	10,85	-

Các MH được áp dụng phương pháp cấy và biện pháp canh tác “3G3T”, đã giúp tiết kiệm được: 920.000 đồng/ha

Chi phí liên quan đến kỹ thuật sản xuất giống một số khoảng chi tăng so với đối chứng: 5.600.000 đ/ha

Tuy nhiên với năng suất cao hơn từ 300 – 400 kg/ha và giá trị sản phẩm cao hơn, lúa khô nguyên chủng (chưa thành phẩm) 8.400 đ/kg đã giúp MH sản xuất lúa nguyên chủng đạt hiệu quả cao hơn, cụ thể: 10,85 - 14,42 triệu/ha

Các MH đạt được tỷ suất lợi nhuận > 2,5 đây là MH mang lại hiệu quả cao, có thể nhân rộng.

Bảng 4.7: Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất nguyên chủng tại xã Buôn Triết, vụ ĐX 2016 – 2017

TT	Hạng mục	Giống			
		OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
1	Tổng thu (triệu/ha)	68,76	67,39	66,25	49,34
1,1	Năng suất khô (t/ha)	8,19	8,02	7,89	7,71
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	8,40	8,40	8,40	6,40
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	25,35	25,34	25,33	20,07
2,1	Làm đất	2,20	2,20	2,20	2,20

2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	1,00	1,00
2,3	Lúa giống	2,40	2,40	2,40	1,80
2,4	Cây dăm	5,50	5,50	5,50	2,00
2,5	Khử lẩn	1,50	1,50	1,50	-
2,6	Thuốc BVTV	4,65	4,65	4,65	5,00
2,7	Phân bón	4,19	4,19	4,19	4,19
2,8	Thu hoạch lúa, phơi	2,91	2,90	2,89	2,89
2,9	Nước	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Lợi nhuận (Triệu/ha)	43,41	42,05	40,92	29,27
4	Tỷ suất lợi nhuận	2,71	2,66	2,62	2,46
5	Chênh lệch lợi nhuận	14,15	12,78	11,65	-

Các MH được áp dụng phương pháp cấy và biện pháp canh tác “3G3T”, đã giúp tiết kiệm 1 lần phun thuốc (bệnh đạo ôn) khoảng 500.000 đ/ha.

Chi phí liên quan đến kỹ thuật sản xuất giống một số khoản chi tăng so với đối chứng: khoảng 5.600.000 đ/ha (các khoản chi cũng tương tự như MH Đắc Liêng).

Kết hợp năng suất và giá bán cao hơn lúa thương phẩm giúp lợi nhuận giúp có lợi nhuận cao. MH OM490, OM7347, OM7167 lần lượt là 43,41 triệu/ha, 42,05 triệu/ha, 40,92 triệu/ha so với 29,27 triệu/ha của đối chứng OM5451.

Các MH đạt được tỷ suất lợi nhuận > 2,5 đây là MH mang lại hiệu quả cao, có thể nhân rộng.

Bảng 4.8: Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất nguyên chủng tại xã Buôn Tría, vụ ĐX 2016 – 2017

TT	Hạng mục	Giống			
		OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
1	Tổng thu (triệu/ha)	66,40	64,91	64,66	49,64
1,1	Năng suất khô (t/ha)	7,90	7,73	7,70	7,76
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	8,40	8,40	8,40	6,40
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	25,38	25,38	25,37	21,04
2,1	Làm đất	2,20	2,20	2,20	2,20
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	1,00	1,00

2,3	Lúa giống	2,40	2,40	2,40	1,80
2,4	Cây dậm	5,50	5,50	5,50	2,20
2,5	Khử lã	1,50	1,50	1,50	-
2,6	Thuốc BVTV	4,70	4,70	4,70	5,50
2,7	Phân bón	4,19	4,19	4,19	4,45
2,8	Thu hoạch lúa, phơi	2,90	2,89	2,88	2,89
2,9	Nước	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Lợi nhuận (triệu đ)/ha	41,01	39,53	39,29	28,60
4	Hiệu quả đồng vốn	2,62	2,56	2,55	2,36
5	Chênh lệch lợi nhuận	12,41	10,93	10,69	-

Kết quả cũng tương tự với 02 MH trên tiết kiệm được phân bón, thuốc hóa học, năng suất tăng và giá bán cao hơn lúa thương phẩm, giúp tăng lợi nhuận đáng kể so với MH lá thương phẩm phổ biến tại địa phương từ 10,93 - 12,41 triệu/ha

Các MH đạt được tỷ suất lợi nhuận > 2,5 đây là MH mang lại hiệu quả cao, có thể nhân rộng.

Bảng 4.9. Trung bình hiệu quả kinh tế của 03 MH trên từng giống

Trung bình	Giống			
	OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
Lợi nhuận (triệu/ha)	42,58	41,14	39,98	28,92
Tỷ suất lợi nhuận	2,68	2,62	2,58	2,41
Chênh lệch lợi nhuận (triệu/ha)	13,66	12,23	11,06	-

Nhìn chung, trong 03 MH nhân giống cấp nguyên chủng và bao tiêu sản phẩm cấp nguyên chủng các giống đều cho năng suất cao, hiệu quả kinh tế cao hơn đối chứng > 11 triệu/ha.

Giống cho hiệu quả kinh tế cao nhất lần lượt là OM4900, OM7347, OM7167. Thể hiện qua trung bình chênh lệch lợi nhuận so với đối chứng là 13,66 triệu/ha, 12,2 triệu/ha, 11,06 triệu/ha.

Tỷ suất lợi nhuận tất cả MH đều >2, chứng tỏ đây là các MH có hiệu quả, có thể nhân rộng trên địa phương tùy vào điều kiện thời tiết, lịch thời vụ, và nhu cầu thị trường mà chọn giống phù hợp.

4.1.2. Xây dựng MH sản xuất lúa giống cấp xác nhận

4.1.2.1. Ảnh hưởng của các dịch hại chính

Bảng 4.10. Tỷ lệ một số bệnh hại chính trên MH sản xuất cấp xác nhận, vụ HT 2017

Giống	Bệnh cháy lá (%)			Bạc lá (%)			Thối cổ bông (%)		
	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liêng	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liêng	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liêng
OM 4900	20,1	25,3	22,1	10,3	12,2	8,5	3,5	4,3	4,5
OM 7347	20,1	28,3	25,1	13,2	9,6	9,6	3,2	4,8	3,9
OM 7167	16,3	15,3	23,2	14,2	13	9,4	2,2	3,4	6
OM 5451	18,2	16,3	22,1	1,6	11,5	10,5	3,1	2,3	5,4

Các bệnh gây hại chính đều xuất hiện nhưng được phát hiện và áp dụng phòng trị kịp thời, các bệnh được khống chế ở tỷ lệ bệnh thấp và không gây ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng hạt giống.

Ruộng đối chứng sử dụng giống phổ biến, mật số cao, và sử dụng lượng phân bón cao so với MH nên bệnh có xu hướng xuất hiện sớm và nặng hơn phải tăng số lần áp dụng thuốc bảo vệ thực vật từ 1-2 lần mới không chế được bệnh.

Bảng 4.11. Tỷ lệ một số côn trùng gây hại chính trên MH sản xuất cấp xác nhận, vụ HT 2017

Giống	Sâu cuốn lá (%)			Rầy nâu (con/bụi)		
	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liêng	Buôn tría	Buôn triết	Đắc Liêng
OM4900	12,3	10,2	7,5	3,2	1,5	1,6
OM7347	14,5	7,4	8,6	2,5	3,1	1,7
OM7167	10,5	9,1	5,2	3,2	2,4	2,1
OM5451	15,4	15,5	8,3	2,2	2,9	3,3

Đây là các MH sản xuất lúa giống nên được thường xuyên theo dõi, khi phát hiện bệnh vừa xuất hiện đạt ngưỡng phòng trị thì áp dụng thuốc đặc trị theo khuyến cáo để không chế bệnh hại cũng như côn trùng gây hại.

4.1.2.2. Năng suất và các thành phần năng suất của các MH

Bảng 4.12: Năng suất và các thành phần năng suất của các MH sản xuất cấp xác nhận tại Đắc Liêng, vụ HT 2017.

Giống	Số bông/m ²	TL 1000 hạt (g)	Hạt chắc/bông	Năng suất (tấn/ha)
OM4900	507	28,1	96 a	6,32
OM7347	496	28,2	98 a	6,44
OM7167	495	27,6	97 a	6,20
OM5451	498	27,7	87 b	6,18
<i>F</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	*	<i>ns</i>
<i>CV (%)</i>	11,5	2,7	5,8	8,5

Ghi chú: *: khác biệt ở mức 5%; ns: không khác biệt; TL: trọng lượng

Bảng 4.13: Năng suất và các thành phần năng suất của các MH sản xuất cấp xác nhận tại Buôn Triết, vụ HT 2017.

Giống	Số bông/m ²	TL 1000 hạt (g)	Hạt chắc/bông	Năng suất (tấn/ha)
OM4900	499	28,3	100 a	6,21
OM7347	496	27,8	99 a	6,27
OM7167	501	27,8	94 a	6,38
OM5451	504	27,9	88 b	6,26
<i>F</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	*	<i>ns</i>
<i>CV (%)</i>	11,7	3,0	6,9	10,2

Ghi chú: *: khác biệt ở mức 5%; ns: không khác biệt; TL: trọng lượng

Bảng 4.14: Năng suất và các thành phần năng suất của các MH sản xuất cấp xác nhận tại Buôn Tría, vụ HT 2017.

Giống	Số bông/m ²	TL 1000 hạt (g)	Hạt chắc/bông	Năng suất (tấn/ha)
OM4900	490	28,1	95 a	6,50
OM7347	497	28,0	96 a	6,40
OM7167	489	28,0	93 a	6,69
OM5451	497	27,5	87 b	6,49

<i>F</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	*	<i>ns</i>
<i>CV (%)</i>	1,7	2,9	7,4	10,3

Ghi chú: *: khác biệt ở mức 5%; ns: không khác biệt; TL: trọng lượng

Tương tự MH nguyên chủng, về năng suất và các thành phần năng suất của MH ở 03 xã, hầu hết các chỉ tiêu đánh giá không có sự khác biệt thống kê giữa các MH cũng như so với đối chứng.

Năng suất của hầu hết các giống cao từ 6,20 – 6,69 tấn/ha, trên cùng giống và giữa các giống chênh lệch nhau dao động từ 100 – 300 kg/ha.

Kết quả các MH đều đạt chất lượng nguyên chủng theo quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01- 54:2011/BNNPTNT với phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm TCVN 8548:2011(đính kèm phụ lục).

4.1.2.3. Hiệu quả kinh tế của các MH sản xuất lúa cấp xác nhận

Bảng 4.15. Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất xác nhận tại xã Đăk Liêng, vụ HT 2017

TT	Hạng mục	Giống			
		OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
1	Tổng thu (triệu/ha)	49,71	50,17	51,01	40,68
1,1	Năng suất khô (t/ha)	6,21	6,27	6,38	6,26
1,2	Giá lúa/kg (1.000 đ)	8,00	8,00	8,00	6,50
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	21,15	21,15	21,16	21,13
2,1	Làm đất	2,20	2,20	2,20	2,20
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	1,00	1,00
2,3	Lúa giống	1,30	1,30	1,30	1,80
2,4	Cấy dặm	2,20	2,20	2,20	2,00
2,5	Khử lẩn	1,80	1,80	1,80	-
2,6	Thuốc BVTV	4,65	4,65	4,65	5,70
2,7	Phân bón	4,19	4,19	4,19	4,62
2,8	Thu hoạch lúa, phơi	2,81	2,81	2,82	2,81
2,9	Nước	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Lợi nhuận (1000đ)/ha	28,56	29,02	29,85	19,55
4	Tỷ suất lợi nhuận	2,35	2,37	2,41	1,93
5	Chênh lệch lợi nhuận	9,01	9,47	10,30	-

MH tại xã Đăk Liêng các giống MH có năng suất tương đương nhau dao động từ 6,21-6,38 tấn/ha so với 6,26 tấn/ha của đối chứng OM5451.

Các MH được áp dụng phương pháp sạ hàng và biện pháp canh tác “3G3T”, đã giúp tiết kiệm được: 1.480.000 đồng/ha.

Chi phí liên quan đến kỹ thuật sản xuất giống một số khoản chi tăng so với đối chứng khoảng 2.000.000 đ/ha.

Tuy nhiên với giá trị sản phẩm cao hơn, lúa khô xác nhận (chưa thành phẩm) 8.000 đ/kg đã giúp MH sản xuất lúa xác nhận đạt hiệu quả cao hơn, cụ thể từ 9,01-10,30 triệu/ha

Các MH đạt được tỷ suất lợi nhuận > 2,3 đây là MH mang lại hiệu quả cao, có thể nhân rộng.

Bảng 4.16: Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất xác nhận tại xã Buôn Triết, vụ HT 2017

TT	Hạng mục	Giống			
		OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
1	Tổng thu (triệu/ha)	49,71	50,17	51,01	40,68
1,1	Năng suất khô (t/ha)	6,21	6,27	6,38	6,26
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	8,00	8,00	8,00	6,50
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	21,15	21,15	21,16	21,13
2,1	Làm đất	2,20	2,20	2,20	2,20
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	1,00	1,00
2,3	Lúa giống	1,30	1,30	1,30	1,80
2,4	Cây dậm	2,20	2,20	2,20	2,00
2,5	Khử lẫn	1,80	1,80	1,80	-
2,6	Thuốc BVTV	4,65	4,65	4,65	5,70
2,7	Phân bón	4,19	4,19	4,19	4,62
2,8	Thu hoạch lúa, phơi	2,81	2,81	2,82	2,81
2,9	Nước	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Lợi nhuận (1000đ)/ha	28,56	29,02	29,85	19,55
4	Tỷ suất lợi nhuận	2,35	2,37	2,41	1,93
5	Chênh lệch lợi nhuận	9,01	9,47	10,30	-

Các MH được áp dụng phương sạ hàng và biện pháp canh tác “3G3T”, đã giúp tiết kiệm 2 lần phun thuốc quản lý sâu bệnh hại khoảng 1.050.000 đ/ha.

Chi phí liên quan đến kỹ thuật sản xuất giống một số khoảng chi tăng so với đối chứng: khoảng 2.000.000 đ/ha (các khoản chi cũng tương tự như MH Đắc Liêng).

Kết hợp năng suất và giá bán cao hơn lúa thương phẩm giúp lợi nhuận giúp có lợi nhuận cao. MH OM490, OM7347, OM7167 lần lượt là 9,01 triệu/ha, 42,05 triệu/ha, 9,47 triệu/ha so với 10,30 triệu/ha của đối chứng OM5451.

Các MH đạt được tỷ suất lợi nhuận > 2,3 đây là MH mang lại hiệu quả cao, có thể nhân rộng.

Bảng 4.17. Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất xác nhận tại xã Buôn Tría, vụ ĐX HT 2017

TT	Hạng mục	Giống			
		OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
1	Tổng thu (triệu/ha)	51,97	51,16	53,51	42,17
1,1	Năng suất khô (t/ha)	6,50	6,40	6,69	6,49
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	8,00	8,00	8,00	6,50
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	21,41	20,41	20,42	21,04
2,1	Làm đất	2,20	2,20	2,20	2,20
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	1,00	1,00
2,3	Lúa giống	1,30	1,30	1,30	1,80
2,4	Cây dậm	2,20	2,20	2,20	2,00
2,5	Khử lẫn	2,00	1,00	1,00	-
2,6	Thuốc BVTV	4,70	4,70	4,70	5,50
2,7	Phân bón	4,19	4,19	4,19	4,72
2,8	Thu hoạch lúa, phơi	2,82	2,82	2,83	2,82
2,9	Nước	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Lợi nhuận (triệu/ha)	30,56	30,75	33,09	21,12
4	Tỷ suất lợi nhuận	2,43	2,51	2,62	2,00
5	Chênh lệch lợi nhuận	9,44	9,63	11,97	-

Kết quả cũng tương tự với 02 MH trên tiết kiệm được phân bón, thuốc hóa học, năng suất tăng và giá bán cao hơn lúa thương phẩm 9,44 - 11,97 triệu/ha

Các MH đạt được tỷ suất lợi nhuận > 2,4 đây là MH mang lại hiệu quả cao, có thể nhân rộng.

Trong vụ Hè Thu giống lúa OM7167 trong MH sản xuất lúa giống cấp xác nhận tỏ ra vượt trội về năng suất so với các giống khác.

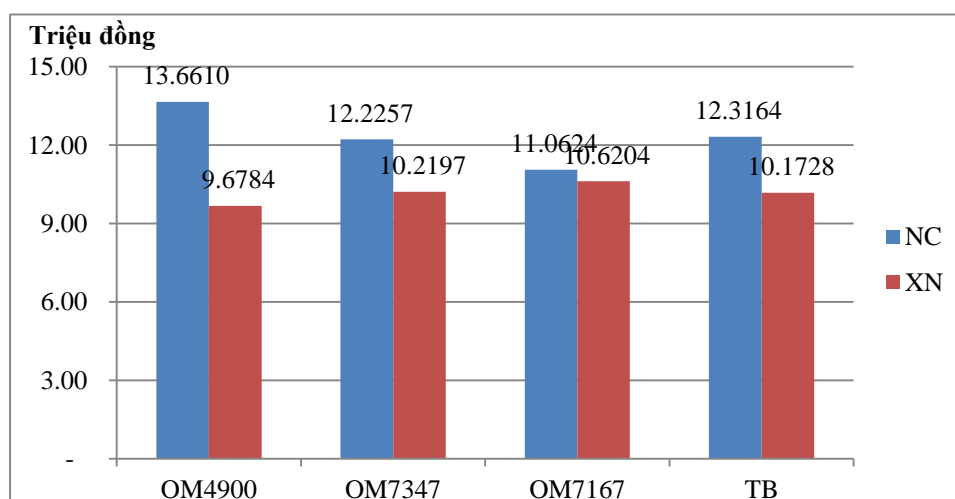
Bảng 4.18. Trung bình lợi nhuận của các MH trên từng giống

Trung bình	Giống			
	OM4900	OM7347	OM7167	OM5451
Lợi nhuận (triệu/ha)	29,79	30,33	30,73	20,11
Tỷ suất lợi nhuận	2,40	2,45	2,47	1,96
Chênh lệch lợi nhuận (triệu/ha)	9,68	10,22	10,62	-

Trong 03 MH nhân giống và bao tiêu sản phẩm cấp xác nhận các giống đều cho năng suất cao, hiệu quả kinh tế cao hơn đối chứng gần 10 triệu/ha, thấp hơn vụ Đông Xuân.

Khác với vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu giống cho hiệu quả kinh tế nhất là giống OM7167 với trung bình chênh lệch lợi nhuận so với đối chứng là 10,62 triệu/ha.

Đồng thời tỷ suất lợi nhuận tất cả MH đều >2, chứng tỏ đây là các MH có hiệu quả, có thể nhân rộng trên địa phương tùy vào điều kiện thời tiết, lịch thời vụ, và nhu cầu thị trường mà chọn giống phù hợp.



Hình 4.1. Trung bình lợi nhuận chênh lệch của các loại MH

Trong điều kiện sản xuất lúa giống đạt phẩm cấp sẽ làm tăng lợi nhuận so với sản xuất lúa thương phẩm 10,2 triệu/ha đối với MH sản xuất lúa giống cấp xác nhận, 12,3 triệu/ha đối với MH sản xuất lúa giống cấp xác nhận. Trung bình chênh lệch lợi

nhuận của MH sản xuất nguyên chủng cao hơn so với MH sản xuất lúa xác nhận khoảng 1,2 lần.

4.1.3. Xây dựng MH sản xuất lúa thương phẩm chất lượng cao

4.1.3.1. Năng suất và các thành phần năng suất của các MH

Do điều kiện thời tiết không thuận lợi, lũ rút ở xã Đắc Liêng chậm không triển khai thực hiện được MH sản xuất lúa thương phẩm tại xã Đắc Liêng. MH được chuyển về xã Buôn Triết. Do đó, Buôn Triết có 02 MH ở 02 địa điểm khác nhau và thực hiện trên giống OM4900.

Riêng MH Buôn Triết 1 bệnh đạo ôn lá xuất hiện sớm, MH đối chứng phát hiện trễ khi bệnh đã gây hại nhiều mới tiến hành phun thuốc trị nên đã ảnh hưởng đến khả năng đâm chồi, và tỉ lệ hạt chắc giảm khi xuất hiện bệnh thối cổ bông khoảng 10% vào giai đoạn trổ chín đã làm giảm năng suất của MH đối chứng và khác biệt thống kê so với MH áp dụng “1P5G” hiệu quả.

Bảng 4.19. Các thành phần năng suất lúa và năng suất MH Buôn Triết 1, giống OM4900, vụ ĐX 2017-2018

MH	Số bông/ m ²	Hạt chắc /bông	TL 1000 hạt (g)	Năng suất (t/ha)
Buôn triết 1	513	95	28,3	8,11
Đối chứng	499	86	27,8	7,75
<i>T-test</i>	*	*	<i>ns</i>	*
<i>P- Value</i>	0,03	0,04	0,21	0,05

Ghi chú: *: khác biệt ở mức 5%; *ns*: không khác biệt; TL: trọng lượng

Bảng 4.20. Các thành phần năng suất lúa và năng suất MH Buôn Triết 2, giống OM4900, vụ ĐX 2017-2018

MH	Số bông/ m ²	Hạt chắc /bông	TL 1000 hạt (g)	Năng suất (t/ha)
Buôn triết 2	504	93	28,2	7,81
Đối chứng	499	85	27,8	7,72
<i>T-test</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>
<i>P- Value</i>	0,45	0,06	0,21	0,65

Ghi chú: *ns*: không khác biệt; TL: trọng lượng

Bảng 4.21. Các thành phần năng suất lúa và năng suất MH Buôn Tría, giống OM7347, vụ ĐX 2017-2018

MH	Số bông/ m ²	Hạt chắc /bông	TL 1000 hạt (g)	Năng suất (t/ha)
Buôn Tría	497	90	27,8	7,87
Đối chứng	495	82	27,7	7,71
<i>T-test</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>	<i>ns</i>
<i>P- Value</i>	0,79	0,10	0,68	0,35

Ghi chú: *ns*: không khác biệt; *TL*: trọng lượng

MH Buôn Triết 1 sử dụng biện pháp sạ thưa 100kg/ha và đối chứng sạ lan 150 kg/ha cho số bông/m² cao hơn khác biệt thống kê so với MH đối chứng.

MH Buôn Triết 1 cho thành phần năng suất cao hơn MH đối chứng góp phần làm tăng năng suất thực tế khác biệt so với đối chứng, với mức chênh lệch thực tế 360 kg/ha.

Các MH Buôn Triết 2, Buôn Tría áp dụng biện pháp kỹ thuật “1P5G”, sử dụng biện pháp sạ thưa 100kg/ha và đối chứng sạ lan 150kg/ha cho số bông/m² hầu như không khác biệt thống kê giữa các MH. Trọng lượng 1000 hạt và số hạt chắc/bông cũng tương tự.

Cây lúa có khả năng đâm chồi bù trừ trong giai đoạn mạ, khi sạ thưa với mật độ 100kg/ha hầu như không ảnh hưởng đến số bông/m² cao và dao động từ 495 – 513 chồi.

Năng suất của hầu hết các giống cao từ 7,72 – 8,11 tấn/ha, trên cùng giống và giữa các giống chênh lệch nhau dao động từ 100 – 400 kg/ha.

Việc áp dụng “1P5G”, giảm phân bón không những không làm giảm năng suất mà còn giảm sâu bệnh gây hại, giúp giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật. Cụ thể sẽ được phân tích phần hiệu quả kinh tế của các MH phía sau.

4.1.3.2. Hiệu kinh tế của các MH sản xuất lúa thương phẩm

Bảng 4.22: Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất thương phẩm MH Buôn Triết 1, tại xã Buôn Triết, giống OM4900, vụ ĐX 2017 - 2018

TT	Hạng mục	MH Buôn Triết 1		Chênh lệch
		MH 1P5G	Đối chứng	
1	Tổng thu (triệu/ha)	56,80	54,26	2,54

1,1	Năng suất khô (t/ha)	8,11	7,75	0,36
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	7,00	7,00	-
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	18,24	19,74	(1,49)
2,1	Làm đất	2,20	2,20	-
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	-
2,3	Lúa giống	1,30	1,95	(0,65)
2,4	Cây dậm	2,00	2,00	-
2,5	Thuốc BVTV	4,65	5,20	(0,55)
2,6	Phân bón	4,19	4,50	(0,31)
2,7	Thu hoạch lúa, phơi	2,91	2,89	0,02
2,8	Nước	1,00	1,00	-
3	Lợi nhuận (triệu/ha)	38,56	34,53	4,03
4	Tỷ suất lợi nhuận	3,11	2,75	0,36
5	Chênh lệch lợi nhuận	4,03	-	4,03

MH sử dụng OM4900 áp dụng biện pháp kỹ thuật “1 phải 5 giảm” đã giảm chi phí hơn so với MH đối chứng 1.460.000 đ/ha trong đó,

+ Sử dụng giống xác nhận sạ thưa với mật độ 100kg/ha giảm 50kg/ha, với giá lúa 12.000 đ/kg đã giúp tiết kiệm được 600.000 đ/ha.

+ Tiết kiệm 550.000 đ/ha thuốc BVTV và giảm lượng phân hóa học 310.000đ/ha.

Ngoài ra, năng suất thực tế có xu hướng tăng so với MH đối chứng, thực tế là 360 kg/ha với giá lúa khô 7.000 đ/kg làm tăng thu nhập thêm 2.520.000đ/ha.

Áp dụng biện pháp canh tác sạ thưa, bón phân cân đối giúp cây lúa phát triển mạnh tăng năng suất giúp tăng làm 4.030.000 đồng/ha.

Tỷ suất lợi nhuận thực tế của MH là 3,11; tỷ suất >2, chứng tỏ đây MH có hiệu quả, có thể nhân rộng trên địa phương tùy vào điều kiện thời tiết, lịch thời vụ.

Bảng 4.23. Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất thương phẩm Buôn Triết 2, tại xã Buôn Triết, giống OM4900, vụ ĐX 2017 – 2018.

TT	Hạng mục	MH Buông Triết 2		Chênh lệch
		MH 1P5G	Đối chứng	

1	Tổng thu (triệu/ha)	54,66	54,05	0,61
1,1	Năng suất khô (t/ha)	7,81	7,72	0,09
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	7,00	7,00	-
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	18,63	21,37	(2,74)
2,1	Làm đất	2,20	2,20	-
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	-
2,3	Lúa giống	1,20	1,80	(0,60)
2,4	Cây dậm	2,00	2,00	-
2,5	Thuốc BVTV	4,15	5,75	(1,60)
2,6	Phân bón	4,19	4,73	(0,54)
2,7	Thu hoạch lúa, phơi	2,89	2,89	0,00
2,8	Nước	1,00	1,00	-
3	Lợi nhuận (triệu/ha)	36,03	32,69	3,34
4	Tỷ suất lợi nhuận	2,93	2,53	0,40
5	Chênh lệch lợi nhuận	3,34	-	3,34

MH sử dụng OM7347 áp dụng biện pháp kỹ thuật “1P5G” đã giảm chi phí hơn so với MH đối chứng: 2.740.000 đ

Áp dụng biện pháp canh tác sạ thưa, bón phân cân đối giúp cây lúa phát triển mạnh năng suất có xu hướng tăng làm tăng lợi 3.340.000 đồng/ha

Bảng 4.24. Hiệu quả kinh tế của MH sản xuất thương phẩm tại xã Buôn Triết, giống OM7347, vụ ĐX 2017 – 2018

TT	Hạng mục	MH Buôn Triết		Chênh lệch
		MH 1P5G	Đối chứng	
1	Tổng thu (triệu/ha)	51,17	50,17	1,00
1,1	Năng suất khô (t/ha)	7,87	7,72	0,15
1,2	Giá lúa/kg (1000 đ)	6,50	6,50	-
2	Tổng chi phí (triệu/ha)	19,18	21,00	(1,81)
2,1	Làm đất	2,20	2,20	-
2,2	Làm cỏ	1,00	1,00	-
2,3	Lúa giống	1,20	1,80	(0,60)
2,4	Cây dậm	2,00	2,00	-

2,5	Thuốc BVTV	4,70	5,50	(0,80)
2,6	Phân bón	4,19	4,61	(0,42)
2,7	Thu hoạch lúa, phơi	2,89	2,89	0,01
2,8	Nước	1,00	1,00	-
3	Lợi nhuận (triệu/ha)	31,99	29,17	2,82
4	Tỷ suất lợi nhuận	2,67	2,39	0,28
5	Chênh lệch lợi nhuận	2,82	-	2,82

MH sử dụng OM7347 áp dụng biện pháp kỹ thuật “1P5G” đã mang lại hiệu quả kinh tế hơn so với MH đối chứng: 1.810.000 đ.

+ Sử dụng giống xác nhận sạ thưa giảm chi phí: 600.000 đ.

+ Giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: 800.000đ, do MH đối chứng tăng 2 lần phun thuốc so với MH trừ bệnh cháy lá và rầy nâu.

+ Giảm lượng phân hóa học: 420.000 đ/ha. MH đối chứng sử dụng lượng phân bón tương ứng với công thức 110 N₂O – 60 P₂O₅ – 50 K₂O.

Áp dụng biện pháp canh tác sạ thưa, bón phân cân đối giúp cây lúa phát triển mạnh năng suất có xu hướng tăng làm tăng lợi 2.820.000 đồng/ha.

4.1.4 Tập huấn kỹ thuật

Thực hiện tổng cộng 7 cuộc tập huấn trong đó 03 cuộc cho nông dân các xã bao gồm nông dân trong các tổ giống và lân cận và 04 cuộc cho cán bộ kỹ thuật tại các xã trong huyện và cán bộ của Phòng Nông nghiệp và PNTN, cụ thể như sau:

(1) – 03 lớp tập huấn nông dân tham gia sản xuất về qui trình sản xuất, chế biến bảo quản lúa giống.

Tháng 5 năm 2017 đã triển khai 03 lớp tập tại 03 xã 92 lượt người tham dự

Qua tập huấn bà con nông dân đã nắm được

+ Đặc tính và tính thích nghi của các giống OM4900, OM7347, OM7167, OM5451 và một số giống triển vọng

+ Quy trình sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng và cấp xác nhận

+ Các tiêu chuẩn chất lượng hạt giống; chế biến bảo quản giống lúa theo quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa theo tiêu chuẩn ngành: 10 TCN 395 : 2006. Quy trình QCVN 01–54 : 2011/BNNPTNT.

+ Điều kiện sản xuất, kinh doanh hạt giống lúa được quy định tại Điều 4, Thông tư số 42/2009/TT-BNNPTNT ngày 10.7.2009 của Bộ NNPTNT.

Ngoài ra còn kết hợp với tham quan MH sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng. Qua đó người dân có thông tin có thể trực tiếp tham gia vào sản xuất lúa giống và kinh doanh.

(2)- Tập huấn 2 lớp cho cán bộ kỹ thuật nông nghiệp địa phương của các xã và cán bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT.

- Cũng trong tháng 5/2017 tổ chức 02 lớp với 43 lượt người tham dự

- Qua tập huấn học viên đã nắm được nội dung của biện pháp canh tác lúa “1 phải, 5 giảm” . Nhận biết và phòng trừ sâu bệnh hại lúa; cách sử dụng phân bón tiết kiệm hiệu quả. Quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa theo tiêu chuẩn ngành: 10 TCN 395 : 2006 và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng hạt giống lúa: QCVN 01-54 : 2011/BNNPTNT, và một số văn bản pháp quy có liên quan đến giống cây trồng.

Thông qua các kiến thức được học được cán bộ có hướng dẫn kỹ thuật nông dân sản xuất lúa, và kiểm tra giám sát quy trình kỹ thuật sản xuất của các cá nhân, tổ chức sản xuất và kinh doanh lúa giống trên địa bàn.

(3) - 01 lớp tập huấn cho cán bộ kỹ thuật nông nghiệp (xã, huyện, trung tâm...) bố trí thí nghiệm, khảo nghiệm giống.

Tháng 09 năm 2017 đã tập huấn cho cán bộ kỹ thuật với 21 lượt người tham dự.

Tập huấn phương pháp bố trí thí nghiệm kiểu hoàn toàn ngẫu nhiên (Complete Randomized Design, CRD-1), kiểu khối đầy đủ hoàn toàn ngẫu nhiên (Randomized Complete Block Design, RCBD-1)...phương pháp thống kê đánh giá kết quả thí nghiệm, khảo nghiệm giống. Qua đó các cán bộ kỹ thuật này có thể thực hiện khảo nghiệm đánh giá các giống mới lai tạo ra ở các Viện, Trường, Công ty....để quyết định cơ cấu giống của địa phương sau này.

(4) - 01 lớp tập huấn về công tác kiểm định đồng ruộng, lấy mẫu giống cho các cơ sở giúp chủ động trong kiểm soát nội bộ chất lượng giống lúa sản xuất và được cấp chứng chỉ.

Cuối năm 2017 đã đăng ký với Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng vùng Nam bộ đào tạo cấp chứng chỉ cho 05 cán bộ kỹ thuật có trình độ trung

cấp trở lên, tổ chức tại huyện Lắc. Mục đích xây dựng đội ngũ có khả năng kiểm định và lấy mẫu gửi kiểm nghiệm cho các cá nhân và tổ chức sản xuất giống trên địa bàn, huyện và các huyện xung quanh. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan, thiếu học viên không đủ điều kiện mở lớp. Đến tháng 6 năm 2019 Trung tâm mới mở được lớp đào tạo tại An Giang.

Kết thúc khóa học 05 cán bộ được cấp các chứng nhận như sau.

+ Chứng nhận người kiểm định theo quyết định số: 285 /QĐ-TT-KHTH ngày 8 tháng 9 năm 2019, về việc cấp mã số người kiểm định giống cây trồng. Cụ thể như sau:

STT	TÊN	ĐƠN VỊ	MÃ SỐ
1	Trần Văn Mười	HTX nông nghiệp Thành Tín NKĐ-GCT	NKD-GCT-19.026
2	Võ Trí Bá	HTX DVNN Cánh Đồng	NKD-GCT-19.027
3	Phạm Xuân Huế	UBND xã Buôn Tría	NKD-GCT-19.028
4	Nguyễn Ngọc Côn	HTX sản xuất và dịch vụ Nông - Ngư nghiệp Thái Hải	NKD-GCT-19.029
5	Nguyễn Thị Huệ	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Lắc	NKD-GCT-19.030

+ Chứng nhận người lấy mẫu theo quyết định Số: 283 /QĐ-TT-KHTH ngày 4 tháng 9 năm 2019, về việc cấp mã số người lấy mẫu giống cây trồng. Cụ thể như sau:

STT	TÊN	ĐƠN VỊ	MÃ SỐ
1	Trần Văn Mười	HTX nông nghiệp Thành Tín NKĐ-GCT	NLM-GCT-19.026
2	Võ Trí Bá	HTX DVNN Cánh Đồng	NLM-GCT-19.027
3	Phạm Xuân Huế	UBND xã Buôn Tría	NLM-GCT-19.028
4	Nguyễn Ngọc Côn	HTX sản xuất và dịch vụ Nông - Ngư nghiệp Thái Hải	NLM-GCT-19.029
5	Nguyễn Thị Huệ	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Lắc	NLM-GCT-19.030

4.1.5. Hỗ trợ thành lập 03 tổ hợp tác nhân giống lúa

Từ đầu năm 2017 phối hợp với Phòng nông nghiệp và PTNT, chính quyền địa phương tại 03 điểm khảo sát chọn nông dân và địa điểm để thành lập tổ nhân giống trên các xã Đăk Liêng, Buôn Triết, Buôn Tría.

Đến tháng 12 năm 2018 đã thành lập được 03 tổ nhân giống lúa (hồ sơ đính kèm). Hoạt động theo Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác.

Tháng 2 năm 2019 đã tổ chức cho đoàn gồm 11 người tham quan tại HTX Nông nghiệp Thới Tân (Số 19, ấp Đông Hoà A, Xã Thới Tân - Huyện Thới Lai - Cần Thơ) đây là MH hợp tác xã đi lên từ các tổ nhân giống và hoạt động có hiệu quả.

Tại đây đoàn đã được trình bày, giao lưu và học hỏi về phương thức tổ chức, cách vận hành cũng như tổ chức sản xuất kinh doanh một HTX có hoạt động sản xuất lúa giống.

4.3 Sản phẩm dự án

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng quy mô theo HD và TM	Số lượng quy mô thực hiện	% thực hiện
1	Mô hình sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng và xác nhận.	MH	- 03 MH lúa nguyên chủng - 03 MH lúa xác nhận	- 03 MH lúa nguyên chủng - 03 MH lúa xác nhận	100
2	Mô hình sản xuất lúa thương phẩm chất lượng cao	MH	03	03	100
3	Hợp đồng liên kết tiêu thụ lúa giống và lúa thương phẩm.	Hợp đồng	1-2	1	100
4	03 tổ nhân giống	THT	03	03	100
5	Tập huấn nông dân	Lượt	90	90	100

	sản xuất giống				
6	Tập huấn cán bộ kỹ thuật	Lượt	40	40	100
7	Chứng nhận kiểm định đồng ruộng, lấy mẫu kiểm định	Chứng nhận	- 05 chứng nhận	05	100
8	Bài báo khoa học	Bài báo	01	01	Đang đăng ký
9	Báo cáo tổng kết	Bài báo cáo	- 01	01	100%

5. Kết luận và đề nghị

5.1. Kết luận

- Giống OM4900, OM7347, OM7167 thích nghi cho năng suất cao so với giống phổ biến tại huyện Lắc.
- MH sản xuất lúa cấp nguyên chủng, tuân thủ quy trình, đạt phẩm cấp và tùy giống và mùa vụ cho lợi nhuận từ 10,69 – 14,42 triệu đồng/ha so với canh tác lúa thương phẩm truyền thống.
- MH sản xuất lúa cấp xác , tuân thủ quy trình, đạt phẩm cấp và tùy giống và mùa vụ cho lợi nhuận từ 9,01 – 11,97 triệu đồng/ha so với canh tác lúa thương phẩm truyền thống.
- Trung bình lợi nhuận sản xuất lúa giống cấp nguyên chủng so với mô sinh sản xuất lúa cấp xác nhận tại huyện Lắc cao hơn khoảng 1,2 lần
- Áp dụng biện pháp kỹ thuật “ 1P5G” trong canh tác lúa thương phẩm làm giảm tại huyện Lắc làm giảm chi phí khoảng 1,46 – 2,74 triệu/ha và tăng lợi nhuận 2,82 – 4,03 triệu/ha.
- Hợp đồng liên kết tiêu thụ giúp người dân an tâm đầu tư sản xuất.

5.2 Đề nghị

- Quy hoạch cụ thể và mở rộng vùng chuyên sản xuất giống

- Hỗ trợ duy trì và đầu tư phát triển các tổ hợp tác nhân giống vừa thành lập như về vốn, cơ sở vật chất....
- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu lúa giống riêng cho huyện

Cần thơ, ngày tháng năm 2019

Chủ nhiệm dự án

Tổ chức chủ trì dự án